

QUY ĐỊNH
VỀ LOẠI PHƯƠNG TIỆN ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN THEO LỨA TUỔI
Trích từ Luật Giao thông đường bộ năm 2008

I. HỌC SINH DƯỚI 16 TUỔI:

- Xe đạp thường.
- Xe đạp điện: Công suất không lớn hơn 250 W, vận tốc tối đa không lớn hơn 25 km/h, khối lượng xe không lớn hơn 40 kg.

II. HỌC SINH TỪ 16 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI:

- Xe đạp thường và xe đạp điện: **Như mục I của HỌC SINH DƯỚI 16 TUỔI.**
- Xe gắn máy:
 - + Vận tốc tối đa không lớn hơn 50 km/h.
 - + Động cơ nhiệt: Dung tích không lớn hơn 50 cm³.
 - + Động cơ điện: Công suất không lớn hơn 4 kW.

III. HỌC SINH TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN:

- Xe đạp thường, Xe đạp điện, xe gắn máy: **Như mục II của HỌC SINH TỪ 16 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI.**
- Xe mô tô, yêu cầu có giấy phép lái xe phù hợp như sau:
 - + Xe mô tô: Xe hai hoặc ba bánh, dung tích xy-lanh từ 50 cm³ trở lên, khối lượng không quá 400 kg.
 - + Xe mô tô điện: Vận tốc thiết kế trên 50 km/h hoặc công suất động cơ trên 4kW.
 - + Giấy phép lái xe:
 - ✓ Hạng A1: Dung tích 50 cm³ đến dưới 175 cm³.
 - ✓ Hạng A2: Dung tích từ 175 cm³ trở lên và các loại quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.
 - ✓ Hạng A3: Xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 và các xe tương tự.

LƯU Ý:

Cách tính tuổi: Theo Bộ luật Dân sự 2015, “đủ **X** tuổi” tính từ ngày sinh nhật thứ **X** của người đó.

Ví dụ: Nguyễn Thị B, sinh ngày 04/03/2001, đủ **16** tuổi từ 04/03/2017, đủ **18** tuổi từ 04/03/2019.